

Bản án số: 179/2019/KDTM-PT
Ngày: 25/10/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Lâm Đồng

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc công khai vụ án thụ lý số: 127/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 254/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T – Phó Giám đốc Chi nhánh P.

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2018).

2. Bị đơn:

Ông Đặng Hoàng S

Bà Nguyễn Thị N

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đặng Khánh A, Đặng Hoàng G, có ông Đặng Hoàng S, Nguyễn Thị N đại diện.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Ông Đặng Hoàng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/8/2010 Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng N) có ký hợp đồng tín dụng số AC0016.6/HĐTD với ông Đặng Hoàng S và bà Nguyễn Thị N; theo đó, Ngân hàng có cho ông S và bà N vay số tiền 260.000.000đ; thời hạn vay là 35 tháng; Lãi suất thỏa thuận 14,5%/ năm; phương pháp trả lãi tiền vay theo định kỳ 12 tháng/ lần vào ngày 20 của tháng; lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi trong hạn. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 20/6/2013. Mục đích vay là để sửa chữa nhà, cải tạo vườn, chăn nuôi heo, cá.

Sau khi hết thời hạn vay, giữa Ngân hàng với bị đơn có thỏa thuận nhiều lần và Ngân hàng tạo điều kiện cho bị đơn trả vốn trước. Đến ngày 12-01-2018 bị đơn cam kết bằng văn bản, tại thời điểm đó dư nợ gốc là 50.000.000đ, thỏa thuận thời hạn trả nợ đến ngày 12-3-2018 sẽ trả 20.000.000đ, đến ngày 12-5-2018 trả thêm 20.000.000đ, vốn và lãi còn lại sẽ trả dần. Tuy nhiên, bị đơn chỉ trả được vốn gốc 5.000.000đ.

Ngày 24-4-2018 Ngân hàng khởi kiện, bị đơn trả vốn gốc còn lại là 45.000.000đ, lãi tạm tính đến ngày 24-4-2018 là 223.851.875đ.

Sau khi Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án, bị đơn có đến Ngân hàng trả vốn gốc được 40.000.000đ, dư nợ gốc còn lại là 5.000.000đ và lập biên bản cam kết vào ngày 20-6-2018, theo đó phía bị đơn xin cam kết đến ngày 20-12-2018 trả thêm cho Ngân hàng số tiền là 30.000.000đ, nhưng chỉ trả được vốn gốc là 4.000.000đ.

Để đảm bảo khoản vay, bị đơn có thể chấp tài sản theo hợp đồng số AC0016.6 ngày 03-8-2010, theo đó bị đơn thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00079, thửa đất số 340, tờ bản đồ 02, diện tích là 7.009,5m²; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ; được cấp ngày 18/8/2006 do ông Đặng Hoàng S đứng tên.

Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả vốn còn lại 1.000.000 đồng, lãi tạm tính đến nay (ngày 22/5/2019) là 224.277.257đ. Tổng cộng là 225.277.257 đồng và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán tất nợ.

Trường hợp bị đơn chậm trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của bị đơn để Ngân hàng thu hồi nợ.

Bị đơn ông Đặng Hoàng S, bà Nguyễn Thị N thống nhất trình bày:

Ông bà thừa nhận có vay nợ Ngân hàng N và trả vốn như nguyên đơn trình bày. Ông bà xác định vốn gốc còn lại 1.000.000đ và lãi tạm tính đến ngày 03-4-2019 là 224.255.819đ. Tổng cộng là 225.255.819 đồng. Tuy nhiên, ông bà xin trả dần như sau:

Đợt 1: Cuối tháng 5/2019 trả số tiền 20.000.000đ;

Đợt 2: Cuối tháng 8/2019 trả số tiền 20.000.000đ;

Đợt 3: Hết tháng 01/2020 trả hết số tiền còn nợ.

Nếu hết thời hạn thỏa thuận trên mà ông bà không trả được nợ thì ông bà tự bán đất để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên xử như sau:

Buộc ông Đặng Hoàng S và bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 225.277.257đ (Hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng), khi án có hiệu lực (trong đó: Nợ gốc là 1.000.000đ và lãi tạm tính đến ngày 22/5/2019 là 224.277.257đ).

Kể từ ngày 23-5-2019, ông S và bà N còn phải trả lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Nếu ông S và bà N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích đất 7.009,5 m², loại đất ONT và CLN, thửa số 340, tờ bản đồ 02; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00079 do UBND huyện Phong Điền cấp ngày 18-8-2006 do ông Đặng Hoàng S đứng tên và các tài sản trên đất thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019 ông Đặng Hoàng S có đơn đề ngày 09/6/2019 kháng cáo xin trả hết nợ vốn 1.000.000 đồng và xin giảm 224.227.254 đồng nợ lãi

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo như đã trình bày nêu trên.

Các đương sự còn lại vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Theo hợp đồng tín dụng bị đơn có vay nợ ngân hàng chưa thanh toán một phần vốn, lãi và cũng có văn bản thừa nhận, cam kết trả nợ, nhưng hiện tại bị đơn vẫn chưa thanh toán số nợ gốc, lãi như đã cam kết nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả nợ là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về Thủ tục: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng N có đơn đề ngày 12/9/2019 xin đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1] Bị đơn ông Đặng Hoàng S có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông và Phát triển nông thôn Việt Nam (Gọi tắt là Ngân hàng) để vay tiền sửa chữa nhà, cải tạo vườn, chăn nuôi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ vốn là lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Kể từ thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng ngày 03/8/2010 để vay 260.000.000 đồng, lãi suất 14,5%/năm, có đăng ký thế chấp tài sản để bảo đảm nợ vay, tính đến ngày 22/5/2019 bị đơn còn nợ ngân hàng tổng số tiền 225.277.254 đồng (trong đó nợ gốc 1.000.000 đồng, nợ lãi 225.277.257 đồng) và bị đơn cũng đã thừa nhận số nợ này nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, trong đó có căn nhà cấp 4 để thu hồi nợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP, ngày 22/02/2012 của Chính phủ và đã được cụ thể hóa tại Điều khoản 1 Điều 325 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Hoàng S xin được trả 1.000.000 đồng tiền nợ gốc và xin giảm lãi 224.277.254 đồng trong trường hợp này là không có cơ sở bởi các lý do sau:

Theo Đơn xin trả vốn giảm lãi ngày 09/6/2019 đã nộp cho Tòa án, bị đơn trình bày hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn do trồng trọt, chăn nuôi không có hiệu quả và đã được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền xác nhận nên xin được giảm nợ lãi. Tuy nhiên, đây không thuộc trường hợp bị đơn được giảm lãi theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ buộc nguyên đơn giảm lãi cho bị đơn.

Đồng thời, tại công văn số 40/NHNoPD-KHKD ngày 17/7/2019 thì nguyên đơn cũng không đồng ý giảm lãi cho bị đơn nên cũng không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị đơn.

[4] Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm có nội dung tuyên buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là chưa đúng, tuy bà N có ký tên vào hợp tín dụng số AC0016.6/HĐTD, ngày 03/8/2010 và có trình bày là vay nợ ngân hàng nhưng trong nội dung hợp đồng thể hiện rõ bên vay là ông Đặng Hoàng S, không phải bà N. Do bà N không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không thể xem xét lại nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm những thiếu sót trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Đặng Hoàng S và bà Nguyễn Thị N trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 225.277.257 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng, trong đó (Nợ gốc là 1.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 22/5/2019 là 224.277.257 đồng).

Kể từ ngày 23/5/2019 ông S, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Nếu bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích đất 7.009,5 m², loại đất ONT và CLN, thửa số 340, tờ bản đồ 02; đất tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00079 do UBND huyện Phong Điền cấp ngày 18/8/2006 do ông Đặng Hoàng S đứng tên và các tài sản gắn liền với đất, trong đó có căn nhà cấp 4 để thu hồi nợ.

Về chi phí thẩm định: Ông Đặng Hoàng S, bà Nguyễn Thị N phải chịu 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên ông S, bà N phải hoàn trả số tiền này cho nguyên đơn.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Hoàng S, bà Nguyễn Thị N phải chịu 11.264.000 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng N 6.720.000 đồng theo Biên lai thu số 005182 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Án phí phúc thẩm: ông Đặng Hoàng S phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 005468

ngày 11/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ, đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H. Phong Điền;
- Chi cục THADS. H.Phong Điền;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trí Dũng

